

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU ĐỨC
TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 65/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 29-9-2022

“V/v Tranh chấp ly hôn”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU ĐỨC, TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đào Trọng Hải.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Hạnh.

2. Bà Võ Lệ Huyền.

-Thư ký phiên tòa: Bà Tạ Thị Mỹ Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Ngọc Bích - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Đức xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 156/2021/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 4 năm 2021 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 67/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 42/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Châu Đức giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Phạm Hoàng T, sinh năm 1980.

Hộ khẩu thường trú: Tổ 4, ấp NL, xã Bình Giã, huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

Chỗ ở hiện nay: Tổ 4, ấp NL, xã Bình Giã, huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

Bị đơn: Chị Hoàng Thị Tuyết U, sinh năm 1981.

Hộ khẩu thường trú: Tổ 05, thôn A, xã Bình Trung, huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa -Vũng Tàu.

Chỗ ở hiện nay: Tổ 05, thôn A , xã Bình Trung, huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa -Vũng Tàu.

(Anh T có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa, chị U vắng mặt không lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết, nguyên đơn anh Phạm Hoàng T trình bày: Sau khi tìm hiểu thì anh Phạm Hoàng T và chị Hoàng Thị Tuyết U đăng ký kết hôn ngày 08 tháng 10 năm 2020 tại Ủy ban nhân dân (UBND) Bình Giã, huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. Sau khi kết hôn vợ chồng đã bất hòa và xảy ra và mâu thuẫn. Do mâu thuẫn nhiều nên không tổ chức đám cưới, vợ chồng cũng không sống chung với nhau ngày nào. Nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau nên thường hay cãi vã. Ngoài ra khi kết hôn anh T không xin ý kiến Mẹ mà chúng tôi lén lút đi kết hôn. Nên hai bên gia đình không cho chúng tôi lấy nhau nên không tổ chức đám cưới.

Nay anh T thấy vợ chồng chưa tổ chức đám cưới mà mâu thuẫn đã có nên cuộc sống hôn nhân sẽ không có hạnh phúc. Từ đó anh T yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Châu Đức giải quyết các vấn đề sau:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Phạm Hoàng T yêu cầu được ly hôn với chị Hoàng Thị Tuyết U.

Về con chung: Anh Phạm Hoàng T và chị Hoàng Thị Tuyết U không có con chung.

Về chia tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với chị Hoàng Thị Tuyết U đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn cố tình vắng mặt không có lý do vì vậy không thể lấy lời khai và tiến hành hòa giải được.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án thì Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Bị đơn không thực hiện đúng phần quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn.

Về con chung: Anh Phạm Hoàng T và chị Hoàng Thị Tuyết U không có con chung.

Về chia tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên không giải quyết.

NHÂN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Anh T và U sống chung với nhau có đăng ký kết hôn, nay anh T yêu cầu ly hôn nên đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình. Nơi cư trú của chị U ở xã Bình Trung, huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, nên Tòa án nhân dân huyện Châu Đức thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Anh T vắng mặt nhưng đã có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 227; Khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt đối với anh T.

Chị U đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai (không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan) nhưng vẫn vắng mặt căn cứ theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt chị U.

[2] Về hôn nhân: Hôn nhân giữa anh T và chị U trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn vào ngày 08 tháng 10 năm 2020 tại UBND xã Bình Giã, huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. Sau khi kết hôn, chưa tổ chức lễ cưới và vợ chồng chưa sống chung đã xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân do tính tình không hợp, nên không tổ chức lễ cưới.

Nguyên nhân do anh T và chị U tự ý đi đăng ký kết hôn không xin phép cha mẹ nên không được hai bên gia đình đồng ý tổ chức lễ cưới, ngoài ra sau khi đăng ký thì vợ chồng đã xảy ra mâu thuẫn do tính tình không hợp. Từ đó vợ chồng cũng chưa về chung sống với nhau cho đến nay.

Từ những mâu thuẫn kéo dài, thường xảy ra cãi vã và xung đột nên dẫn đến vợ chồng không còn tin tưởng lẫn nhau và ngày càng căng thẳng làm cho vợ chồng không muốn gần gũi.

Sau khi thụ lý đơn yêu cầu ly hôn của anh T, Tòa án đã tiến hành triệu tập chị U để làm việc và hoà giải về quan hệ hôn nhân, nhưng chị U vẫn cố tình không đến, không lý do, điều đó chứng tỏ chị U không có thiện chí để cùng anh T xây dựng hạnh phúc gia đình.

Như vậy, cho thấy tình trạng hôn nhân giữa anh T và chị U ngày càng trầm trọng, không thể có đời sống chung, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho anh T được ly hôn với chị U.

[3] Về con chung: Anh T và chị U không có con chung.

[4] Về chia tài sản chung, nợ chung: Anh T không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Anh T phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm (DSST) đối với yêu cầu ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào Điều 56, khoản 3 điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa anh Phạm Hoàng T và chị Hoàng Thị Tuyết U.

2. Về con chung: Anh Phạm Hoàng T và chị Hoàng Thị Tuyết U không có con chung.

3. Về chia tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Anh Phạm Hoàng T phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí DSST đối với yêu cầu ly hôn nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) mà anh T đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Đức theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005242 ngày 01 tháng 4 năm 2021; Anh Phạm Hoàng T nộp xong án phí DSST đối với yêu cầu ly hôn.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (29-9-2022) các đương sự được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu xin xét xử phúc thẩm, đối với các đương sự vắng mặt được tính từ ngày nhận hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh BR- VT;
- VKSND H. Châu Đức;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS H. Châu Đức;
- UBND xã Nghĩa Thành;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Đào Trọng Hải

